

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.**

2/ Bà Hoàng Thị Lợi.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Minh N - Luật sư Văn phòng Luật sư X - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Bi đơn: Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Q và bà Ngô Thị B.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm N, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2018, các lời khai bổ sung tại Tòa án, anh Nguyễn Văn D - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn ngày 22/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh. Sau khi cưới vợ chồng rất hạnh phúc. Quá trình chung sống, sau khi sinh cháu Nguyễn Thị Y vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị B thường xuyên chửi bới anh vô cớ, không những thế chị B còn dùng dao chặt lốp xe máy của anh và dí dao vào cổ anh. Để bảo đảm tính mạng của mình anh đã phải sang nhà bố mẹ anh ngủ từ ngày 01/4/2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngoài ra chị B còn xúc phạm bố mẹ anh.

Tháng 4/2018 anh đã làm đơn ly hôn với chị B tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh. Quá trình Tòa án giải quyết chị B đã xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên anh đã rút đơn khởi kiện để cho chị B sửa chữa những sai lầm của mình. Ngày 20/9/2018 Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 113/2018/QĐST-HNGĐ. Tuy nhiên chị B vẫn không sửa chữa sai lầm mà còn không có trách nhiệm với gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe bình thường và cháu Tr đang ở cùng với bố, cháu Y đang ở cùng với mẹ. Ly hôn, anh đề nghị giao cháu Tr cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Y cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 14/01/2019 và các lời khai bổ sung tại Tòa án, chị Nguyễn Thị B – bị đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn của anh chị đúng như anh D đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn mới phát sinh gần đây. Nguyên nhân mâu thuẫn là do những chuyện nhỏ trong cuộc sống, không có gì lớn. Tuy nhiên kể từ ngày 02/5/2019 anh D đã đuổi

chị ra khỏi nhà, chị và con gái tên Nguyễn Thị Y đã về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó cho đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D xin ly hôn chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như anh D đã trình bày. Hiện nay do chị không có chỗ ở, chị đang làm ruộng và làm thêm tại Công ty V ở xã V, thu nhập mỗi tháng được khoảng 4 triệu đồng, nên chị đề nghị để anh D trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 01/4/2019 chị B có đơn yêu cầu phân chia tài sản, ngày 04/6/2019 chị rút yêu cầu phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Năm 2011 vợ chồng anh D, chị B có đến hỏi vay ông bà 300.000.000 đồng để xây nhà. Ông bà đã cho hai vợ chồng anh D, chị B vay 300.000.000 đồng bằng tiền mặt nhưng không viết giấy vay nợ vì nghĩ là cho các con vay bằng tình cảm và cũng không tính lãi. Giấy vay nợ mà chị B nộp cho Tòa án là giấy ông bà viết cùng chị B sau này khi Tòa án yêu cầu giao nộp, anh D không ký vào giấy vay nợ đó. Nay anh D xin ly hôn với chị B, ông bà đề nghị vợ chồng anh D chị B trả cho ông bà khoản nợ nêu trên, ông bà không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra ông bà không cung cấp gì thêm.

Tại phiên tòa:

+ Anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị Nguyễn Thị B vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, chị B đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009. Hiện nay các con chung đều có sức khỏe bình thường và cháu Tr đang ở cùng với anh, cháu Y đang ở cùng với chị B. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty TNHH XD VT & TM K, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa chị B, ông Q, bà B vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật và công bố lời khai của chị B, ông Q, bà B trong quá

trình giải quyết vụ án.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị B kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống chung được 4 năm đã phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 4/2018 mâu thuẫn càng tăng, anh D đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với chị B. Sau khi được Tòa án hòa giải, chị B cũng nhận thấy sai sót và hứa sửa chữa, nên anh D đã rút đơn về đoàn tụ. Sau khi rút đơn tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Kết quả hiện nay chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2019 và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy nên xác định việc anh D xin ly hôn chị B là có cơ sở.

Về con chung: Anh D, chị B có 02 con chung như anh chị đã trình bày, hiện tại các cháu đều khỏe mạnh. Cháu Nguyễn Thị Y là con gái, hiện đang ở cùng với chị B và cháu đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ sẽ tốt hơn và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y. Cháu Nguyễn Văn Tr là con trai hiện đang ở với anh D. Bố mẹ đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dạy con cái. Vì vậy nên việc anh D đề nghị mỗi người nuôi một con chung là hoàn toàn phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản và vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không có ý kiến gì.

Về khoản nợ của ông Q, bà B do không nộp đơn yêu cầu độc lập nên đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này của ông Q và bà B.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến :

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành tốt pháp luật, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Anh D và chị B hiện đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2019 cho đến nay. Mâu thuẫn do vợ chồng không phù hợp nhau, chị B thường xuyên ghen tuông nghi ngờ đối với anh D.

Anh D, chị B có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009. Anh D có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Chị B có nguyện vọng sau ly hôn giao cả hai con chung cho anh D nuôi dưỡng và chị không đóng góp nuôi con chung.

Xét thấy hiện nay cháu Tr đang ở cùng với anh D, cháu Y đang ở cùng với chị B. Anh D đang làm công nhân tại Công ty TNHH XD VT & TM K, thu nhập

bình quân mỗi tháng được khoảng 6.000.000 đồng, chị B đang làm ruộng và làm thêm tại Công ty V ở xã V, thu nhập mỗi tháng được khoảng 4.000.000 đồng. Do vậy nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho mỗi người nuôi một con chung là hoàn toàn phù hợp pháp luật, phù hợp thực tế và đảm bảo cũng như tránh xáo trộn cuộc sống cho các con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh D, chị B đều không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà B có nộp một giấy vay nợ ngày 20/11/2011 cho vợ chồng anh D, chị B vay 300.000.000 đồng. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu ông Q, bà B làm đơn yêu cầu độc lập và giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh về khoản nợ, nhưng ông Q bà B không làm đơn yêu cầu độc lập và không giao nộp tài liệu chứng cứ, do vậy nên không có căn cứ giải quyết.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D đối với chị Nguyễn Thị B.

Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005, giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ : Ông Q, bà B không nộp đơn yêu cầu độc lập, không giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản nợ, nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyền số 01 ngày 22/9/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh D có đơn xin ly hôn với chị B, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không phù hợp nhau, hay bất đồng trong quan điểm, cách sống, ngoài ra chị B còn hay ghen tuông vô cớ đối với anh D, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị B cũng thừa nhận có nghi ngờ anh D có những mối quan hệ bên ngoài nhưng chị B không có chứng cứ chứng minh về việc này.

Tháng 5/2018 anh D đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với chị B, sau khi được phân tích, giải thích pháp luật, hòa giải và chị B hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm của mình để vợ chồng đoàn tụ, nên anh D đã rút đơn về đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện về thời gian để anh chị tìm biện pháp khắc phục những mâu thuẫn, cải thiện quan hệ vợ chồng, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn căng thẳng, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 5/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì từ sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị chủ yếu do tính cách không phù hợp nhau, anh chị nghi ngờ ghen tuông lẫn nhau. Tại thôn xóm anh chị thường xích mích cãi nhau to dẫn đến mất trật tự an ninh thôn, Chính quyền địa phương đã phải can thiệp, giải quyết hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh D xin ly hôn với chị B đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Theo cung cấp của hai bên gia đình anh chị cũng xác nhận anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không hợp nhau, thường ghen tuông nghi ngờ lẫn nhau, anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Năm 2018 anh D đã một lần nộp đơn xin ly hôn với chị B đến Tòa án, sau đó anh D lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên giải nhiều nhưng không thành. Chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu tháng 5/2019 và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, hai bên không có trách nhiệm gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị B là có thực, anh chị không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D xin ly hôn, chị B cũng đồng ý, vì vậy việc anh D xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh D, chị B có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe bình thường, cháu Tr đang ở với anh D, cháu Y đang ở với chị B.

Anh D có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Chị B có nguyện vọng sau ly hôn giao cả hai con chung cho anh D nuôi dưỡng và chị không đóng góp nuôi con chung. Cả hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Anh D hiện nay đang làm việc tại Công ty TNHH XD VT & TM K, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng 6.000.000 đồng, chị B đang làm ruộng và làm thêm tại Công ty V ở xã V, thu nhập mỗi tháng được khoảng 4.000.000 đồng. Tuy nguyện vọng của các con đều muốn được ở với mẹ, nhưng xét thấy hiện nay cả anh D và chị B đều có công việc làm và có thu nhập ổn định, hiện tại cháu Tr đang ở ổn định với anh D, cháu Y đang ở ổn định với chị B, cháu Y là con gái đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên rất cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và sự ổn định trong cuộc sống, học tập của các cháu cũng như đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Tr cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Y cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có đủ căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 02/4/2019 chị B có đơn yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng, Tòa án đã Thông báo yêu cầu chị B phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản, ngày 31/5/2019 chị B đã trình bày chị không có tiền để nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung. Ngay 04/6/2019 chị B đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Việc chị B rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn toàn tự nguyện và không trái qui định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét giải quyết.

Ngày 02/4/2019 chị B có nộp Giấy vay nợ ngày 20/11/2011 của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B là bố mẹ đẻ chị B, với nội dung ông Q và bà B cho vợ chồng anh D chị B vay 300.000.000 đồng để xây nhà. Ông Q, bà B xác nhận Giấy vay nợ chị B đã nộp cho Tòa án là giấy ông bà cùng chị B mới viết khi Tòa án yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ và anh D không ký vào giấy vay nợ đó. Khi anh D, chị B hỏi vay tiền ông bà không viết giấy tờ vay nợ. Quá trình

giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần Thông báo yêu cầu ông Q, bà B phải làm đơn yêu cầu độc lập đối với khoản tiền vay nợ trên và giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến khoản nợ, nhưng ông Q bà B đã không nộp đơn yêu cầu cũng như tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Do vậy nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Xác nhận anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung là Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 04/5/2005 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 22/7/2009.

Giao 01 con chung là Nguyễn Văn Tr cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao 01 con chung là Nguyễn Thị Y cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh D và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị B không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008141 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Anh Nguyễn Văn D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã Vân Nội, H.Đông Anh;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền